

## Một số vấn đề đặt ra trong việc thực hiện công bằng xã hội ở nước ta hiện nay

NGUYỄN MINH HOÀN

Ngay từ những ngày đầu tiên bước vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, toàn Đảng, toàn dân ta đã khẳng định một trong những mục tiêu mà chúng ta phải phấn đấu đạt tới là xoá bỏ mọi áp bức, bóc lột, bất công, thực hiện công bằng xã hội. Ngày nay công bằng xã hội đã trở thành một trong các thành tố trong mục tiêu chung của toàn dân tộc ta là xây dựng một nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

Tuy nhiên, khi thực sự bắt tay vào thực hiện mục tiêu công bằng xã hội này chúng ta thấy đã bộc lộ những cách hiểu và cách làm khác nhau. Chẳng hạn, trong thời kỳ trước đổi mới, công bằng xã hội được hiểu là trong xã hội ai cũng được sống như ai, không có kẻ giàu người nghèo. Vì vậy, từ khi tiến hành đổi mới đến nay, khi xuất hiện tình trạng phân hóa giàu nghèo, không ít người đã tỏ ra băn khoăn, lo ngại và cho rằng công bằng xã hội bị vi phạm. Cũng do băn khoăn trên đây nên có ý kiến cho rằng *nội dung cơ bản của công bằng xã hội* không phải thể hiện ở khâu phân phối kết quả sản xuất, mà ở chỗ phải tạo ra sự *công bằng về cơ hội* để mọi người đều có điều kiện phát triển, hoặc để đảm bảo công bằng xã hội phải phân phối *công bằng* các nguồn lực của Nhà nước, phải phân phối *hợp lý* tư liệu sản xuất, v.v... Nhưng thế nào là công bằng về cơ hội? Thế nào là phân phối *công bằng* các nguồn lực? Thế nào là phân phối *hợp lý* tư liệu sản xuất? v.v... Những câu hỏi đó cho đến nay vẫn chưa có lời giải đáp thoả đáng. Các ý kiến khác nhau trên đây cho thấy tuy thống nhất với nhau ở chỗ cần thực hiện công bằng xã hội nhưng cụ thể nội hàm của khái niệm công bằng về cơ hội cũng như công bằng thể hiện ở khâu phân phối tư liệu sản xuất là gì lại chưa thật rõ. Do đó, việc làm sáng tỏ một số nội dung cơ bản của việc thực hiện công bằng xã hội nêu trên là những đóng góp bổ ích cho việc hoạch định các chính sách nhằm góp phần thực hiện thành công mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

Vậy trước hết thế nào là *công bằng về cơ hội*?

Có quan điểm cho rằng công bằng về cơ hội là quyền của mọi người được tiếp cận ngang nhau với một điều kiện may mắn, thuận lợi nào đó để thực hiện được điều mình mong muốn, dự định. Quan điểm này có điểm chưa hợp lý vì về thực chất, cái mà quan điểm này đang nói tới không phải là sự *công bằng về cơ hội*, mà chính là sự *bình đẳng về cơ hội*. Sự bình đẳng đó thể hiện ở quyền của mọi người được tiếp cận

*ngang nhau* với một cơ hội nào đó bất kỳ, trong khi đó cái cốt lõi của công bằng xã hội bao giờ cũng là sự bình đẳng giữa người và người chỉ riêng trong mối quan hệ giữa nghĩa vụ và quyền lợi, giữa cống hiến và hưởng thụ,... theo nguyên tắc cống hiến ngang nhau thì hưởng thụ ngang nhau.

Ở đây có sự lầm lẫn giữa công bằng về cơ hội và bình đẳng về cơ hội. Sự lầm lẫn đó bắt nguồn từ chỗ khái niệm công bằng về cơ hội đôi khi được hiểu chỉ như một chính sách xã hội nhằm mục đích càn hạn chế được sự chênh lệch giàu nghèo và tình trạng bất bình đẳng xã hội thì càng gần với chủ nghĩa xã hội. Chính vì khái niệm công bằng xã hội bị lẫn với khái niệm bình đẳng xã hội, còn khái niệm bình đẳng lại được hiểu là sự ngang bằng giữa người và người về mọi phương diện, cho nên cuối cùng công bằng về cơ hội đã không tránh khỏi đi đến đồng nhất với bình quân, cào bằng.

Để phân biệt bình đẳng về cơ hội với công bằng về cơ hội, có lẽ cần lưu ý rằng *quyền* của mọi người được tiếp cận *ngang nhau* với một cơ hội nào đó không hoàn toàn đồng nhất với *khả năng* của tất cả những người ấy có thể sử dụng cơ hội đó một cách *ngang nhau* để thực hiện điều mình mong muốn vì, trên thực tế, khả năng ấy là khác nhau ở các chủ thể (cá nhân, nhóm, cộng đồng,...) khác nhau. Chẳng hạn, những người ở cùng một làng đều có *quyền ngang nhau* trong việc sử dụng con đường nhựa mà Nhà nước mới mở qua làng này để phục vụ cho công việc sản xuất, kinh doanh. Cơ hội ấy là bình đẳng cho tất cả mọi người trong làng. Nhưng không phải tất cả mọi người trong làng đó đều có khả năng tận dụng con đường ấy (cơ hội ấy) như nhau cho công việc của mình: người này có ô tô tải, người kia có xe đạp, người thứ ba chẳng có phương tiện gì,... Hiển nhiên là người có ô tô tải có thể tận dụng con đường để tăng khả năng chuyên chở hàng hóa, vật liệu... lên rất nhiều so với trước. Người có xe đạp tận dụng cơ hội ấy được ít hơn. Còn người thứ ba thì không tận dụng được gì ngoài việc đi lại dễ dàng hơn. Rõ ràng, sự bình đẳng về cơ hội ở đây lại trở thành bất bình đẳng về cơ hội và do đó cũng là không công bằng vì nó mở ra cơ hội phát triển cho người này nhưng lại không mở ra, thậm chí còn thu hẹp cơ hội phát triển đối với người kia.

Vậy nên hiểu công bằng về cơ hội theo nghĩa nào?

Theo chúng tôi, không nên hiểu công bằng về cơ hội theo nghĩa bình đẳng về cơ hội như đã nói trên, nghĩa là không nên hiểu đó là *quyền* của mọi người được tiếp cận *ngang nhau* với một cơ hội nào đó, mà nên hiểu theo nghĩa là “*tạo cơ hội* cho mọi người *đều được cống hiến* và được *hưởng thành quả* (người trích nhấn mạnh) của sự phát triển”<sup>1</sup> như đã được ghi trong Văn kiện của Đại hội VII, hay “*tạo điều kiện* cho mọi người *đều có cơ hội* phát triển và sử dụng *tốt năng lực của mình* (người trích nhấn mạnh)”<sup>2</sup> như đã được ghi trong Văn kiện của Đại hội VIII. Điều đáng lưu ý là Văn kiện Đại hội VII không ghi là “*tạo cơ hội ngang nhau* cho mọi người”, mà ghi là

<sup>1</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế-xã hội đến năm 2000*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.9-10.

<sup>2</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.113.

“tạo cơ hội cho mọi người đều được cống hiến”, còn Văn kiện Đại hội VIII không ghi là “tạo điều kiện *ngang nhau* cho mọi người”, mà ghi là “tạo điều kiện cho mọi người *đều* có cơ hội sử dụng tốt *năng lực* của mình”. Nhưng năng lực của mọi người là khác nhau. Năng lực của người này không ngang năng lực của người kia: người này có điều kiện kinh tế khá hơn, người kia kém hơn, người này khoẻ mạnh hơn, người kia ốm yếu hơn,...

Vậy cái toát lên từ hai Văn kiện trên đây khi nói tới “công bằng về cơ hội” không phải là “tạo cơ hội *ngang nhau* cho mọi người”, mà là “tạo cơ hội *phù hợp* cho mỗi người, hay đúng hơn, cho mỗi chủ thể *đều được cống hiến* và do đó *đều được hưởng thụ* thành quả do sự cống hiến trên mà có và tương xứng với sự cống hiến ấy”. Song cống hiến và được hưởng thụ tương xứng với cống hiến lại chính là nội dung cốt lõi của công bằng xã hội.

Như vậy, không nên hiểu công bằng về cơ hội theo nghĩa là tạo *cơ hội như nhau* cho mọi người mà quan trọng hơn là cơ hội đó phải *phù hợp* với mỗi chủ thể. Nói cách khác, *công bằng về cơ hội phải được hiểu là tạo ra cơ hội phù hợp với mỗi cá nhân, mỗi chủ thể*. Điều đó sẽ hạn chế được cái gọi là cơ hội như nhau nhưng chỉ với những cá nhân này thì phát huy được lợi thế, còn đối với những cá nhân khác lại là sự bất lợi. Một khi mỗi cá nhân đều có cơ hội phù hợp với mình, thì khi đó mỗi cá nhân mới thực sự phát huy cao nhất được khả năng của mình để cùng vươn đến được sự hưởng thụ tương xứng. Đây mới thực sự là công bằng về cơ hội cho mọi cá nhân.

Như vậy, chỉ có công bằng về cơ hội thực sự nếu sự công bằng ấy được thể hiện trước hết ở chỗ là tạo ra cơ hội phù hợp, hay nói cách khác là tạo ra một hay nhiều điều kiện kinh tế - xã hội phù hợp cho mỗi chủ thể để chủ thể đó có thể phát huy khả năng vốn có của mình cống hiến cho xã hội và được sự đối xử đúng với những cống hiến ấy của từng chủ thể. Hiểu theo nghĩa ấy, công bằng về cơ hội vừa tạo được động lực phát triển kinh tế, vừa góp phần kiềm chế được sự gia tăng bất bình đẳng xã hội đang diễn ra hiện nay ở nước ta. Cũng theo nghĩa ấy có thể khẳng định công bằng xã hội thể hiện cả “ở khâu phân phối kết quả sản xuất, cũng như ở điều kiện phát triển năng lực của mọi thành viên trong cộng đồng”<sup>3</sup>, ở việc “tạo cơ hội cho mọi người đều được cống hiến và hưởng thành quả của sự phát triển”<sup>4</sup>, “tạo điều kiện cho mọi người đều có cơ hội phát triển và sử dụng tốt năng lực của mình”<sup>5</sup> như đã được ghi trong Văn kiện của các Đại hội Đảng từ đầu những năm 90 đến nay.

Cách hiểu trên đây về thực hiện công bằng xã hội qua việc thực hiện công bằng về cơ hội cho thấy sự *khác biệt về chất* của việc thực hiện công bằng về cơ hội trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với

<sup>3</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (khóa VII)*, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội, 1994, tr. 47.

<sup>4</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế-xã hội đến năm 2000*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.9-10.

<sup>5</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 113.

thực hiện công bằng xã hội ở những nước tư bản chủ nghĩa, trong điều kiện nền kinh tế thị trường tự do cạnh tranh. Trong nền kinh tế thị trường tự do cạnh tranh, đó là sự cạnh tranh không cân sức vì những điều kiện phát triển (hay còn gọi là cơ hội bình đẳng như một số học giả nước ngoài khẳng định) lại không phải được chia đều cho mọi đối tượng, mà chỉ thuộc về giai cấp những người có của. Do đó, trong chủ nghĩa tư bản, với chế độ phân phối được coi là rất công bằng, nhưng không dựa trên cùng những điều kiện bình đẳng thì cuối cùng sự công bằng xã hội chỉ là sự công bằng ngày càng làm sâu sắc thêm sự phân hóa và phân cực xã hội.

Như vậy, xuất phát từ những chủ trương của Đảng về thực hiện công bằng xã hội, thêm nữa, nếu tính đến sự cống hiến cho sự phát triển xã hội là một quá trình thì, theo chúng tôi, thực hiện công bằng xã hội không phải chỉ dựa vào kết quả đã và đang có của sự cống hiến để làm thước đo thực hiện phân phối, mà còn cần phải tính đến cả kết quả sẽ có của sự cống hiến để phân phối. Nhưng muốn thực hiện sự phân phối công bằng kết quả sẽ có của sự cống hiến, thì phải tạo ra cơ hội phù hợp cho mỗi cá nhân để mỗi cá nhân đều có điều kiện được cống hiến và phát huy được khả năng của mình, rồi sau đó có được sự hưởng thụ tương xứng với cống hiến ấy. Đó mới chính là thực hiện một sự công bằng xã hội thực sự vì sự phát triển ngày càng toàn diện phẩm giá con người.

Cùng với yêu cầu phải thực hiện công bằng trong phân phối kết quả sản xuất được nêu ra từ Đại hội VI, phải tạo cơ hội cho mọi người đều được cống hiến và được hưởng thành quả của sự phát triển được nêu ra từ Đại hội VII, vấn đề công bằng trong phân phối tư liệu sản xuất lần đầu tiên đã được nêu lên trong Văn kiện Hội nghị Đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII. Văn kiện viết: “Công bằng xã hội thể hiện cả ở khâu phân phối hợp lý tư liệu sản xuất, lẫn ở khâu phân phối kết quả sản xuất, cũng như ở điều kiện phát triển năng lực của mọi thành viên trong cộng đồng”<sup>6</sup>.

Nhưng thế nào là công bằng trong phân phối tư liệu sản xuất?

Trong các chủ trương của Đảng về phân phối tư liệu sản xuất, đối tượng được phân phối là những chủ thể kinh tế - xã hội, mà thường là các thành phần kinh tế, các ngành trong cơ cấu nền kinh tế, hay tính theo địa giới hành chính thì đó là các vùng, miền trong cả nước... Còn khái niệm tư liệu sản xuất cũng được quan niệm rất đa dạng. Nếu như trong nền kinh tế bao cấp, cái để phân phối thường mang tính hiện vật, cho nên tư liệu sản xuất chỉ được hiểu là nguồn vật tư, máy móc, hay cơ sở vật chất nhất định, được phân phối mang tính dàn trải. Ngược lại, trong nền kinh tế thị trường nguồn tư liệu sản xuất phải được hiểu chung là nguồn vốn, ngân sách, công nghệ...(vì có vốn là có tư liệu sản xuất). Hơn nữa, phân phối nguồn vốn đảm bảo công bằng hiện nay vừa được thực hiện bằng thước đo hiệu quả kinh tế, vừa được thực hiện bằng thước đo hiệu quả xã hội, đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nói cách khác, ở thời kỳ đổi mới, phân phối công bằng là sự thống nhất giữa hiệu quả

<sup>6</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (1994), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (khóa VII), Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội, 1994, tr. 47.

kinh tế và hiệu quả xã hội.

Việc phân phối tư liệu sản xuất ấy phải được thực hiện như thế nào để được coi là *công bằng*, đồng thời cũng là *hợp lý*? Câu hỏi này không tìm thấy sự giải thích thêm trong Văn kiện. Tuy nhiên, căn cứ vào sự chỉ dẫn của C. Mác: “Bất kỳ một sự phân phối nào về tư liệu tiêu dùng cũng chỉ là hậu quả của sự phân phối chính ngay những điều kiện sản xuất; nhưng sự phân phối những điều kiện sản xuất lại là một tính chất của chính ngay phương thức sản xuất”<sup>7</sup>, có thể hiểu rằng một sự phân phối hợp lý tư liệu sản xuất phải xuất phát từ tính chất của chính ngay phương thức sản xuất, cụ thể trong trường hợp của chúng ta, đó chính là phải xuất phát từ tính chất của chính ngay “phương thức sản xuất” trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

Thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta đã trải qua hai giai đoạn: giai đoạn trước đổi mới và giai đoạn từ khi bắt đầu đổi mới đến nay. Trong giai đoạn trước đổi mới, chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa dưới hai hình thức toàn dân và tập thể đã được xác lập một cách phổ biến. Vì vậy, việc phân phối tư liệu sản xuất đã được tập trung cho hai khu vực kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể (đến năm 1975 trong khu vực sản xuất vật chất, 99,7% tài sản cố định đã thuộc về kinh tế xã hội chủ nghĩa,<sup>8</sup> còn các thành phần kinh tế khác hoàn toàn không được đầu tư phát triển. Hơn nữa, chế độ phân phối chỉ được thực hiện *duy nhất theo hình thức cấp phát, xin - cho* (hiện vật) mang tính hành chính, mệnh lệnh chứ không phải là dựa vào *hiệu quả sử dụng* mọi nguồn tư liệu sản xuất để làm thước đo thực hiện phân phối tư liệu sản xuất. Do đó, trên thực tế chế độ phân phối tư liệu sản xuất trong giai đoạn trước đổi mới không phải khi nào, nơi nào cũng hợp lý (nơi cần thì thiếu, nơi không cần thì thừa). Hậu quả của hình thức phân phối này là việc sử dụng nguồn tư liệu sản xuất kém hiệu quả, nhiều nguồn lực đã không được khai thác, nhiều tiềm năng đã không được phát huy.

Bước sang thời kỳ đổi mới, trong điều kiện thực hiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, việc phân phối tư liệu sản xuất đã ngày càng hợp lý, công bằng hơn, mặc dầu quan điểm công bằng xã hội phải được thể hiện ở cả khâu phân phối hợp lý tư liệu sản xuất mãi đến Đại hội VIII mới được nêu ra. Sự *hợp lý* ấy thể hiện ở chỗ việc phân phối tư liệu sản xuất đã ngày càng giảm dần tính bình quân, cào bằng trong khu vực kinh tế nhà nước hay kinh tế tập thể như trong giai đoạn trước đổi mới nữa, mà đã lấy *hiệu quả kinh tế* của việc sử dụng nguồn tư liệu sản xuất, kinh doanh làm căn cứ để phân phối vì chỉ khi nào nguồn tư liệu sản xuất được sử dụng một cách có hiệu quả thì nền kinh tế mới tăng trưởng, đất nước mới giàu mạnh, đời sống nhân dân mới được cải thiện. Tính *hợp lý* ở đây cũng đồng thời thể hiện tính *công bằng* vì ai sử dụng tư liệu sản xuất có hiệu quả hơn, người đó sẽ được phân phối nhiều tư liệu sản xuất hơn, nhờ đó vừa làm giàu cho xã hội nhiều hơn, vừa làm giàu nhiều hơn cho mình.

<sup>7</sup> C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, t.19, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 36-37.

<sup>8</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (1977), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1977, tr. 29.

Ngoài hiệu quả kinh tế, việc phân phối tư liệu sản xuất một cách *hợp lý* còn đòi hỏi phải lấy *hiệu quả xã hội* làm căn cứ để phân phối. Có đòi hỏi đó vì, một mặt, nguồn tư liệu sản xuất là tài sản của toàn xã hội, mặt khác, chúng ta chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường, nhưng nó không phải là kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, mà là kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Chính “định hướng xã hội chủ nghĩa” này đòi hỏi việc sử dụng tài sản của toàn xã hội phải nhằm phục vụ cho lợi ích của toàn xã hội, trong đó cần hết sức chú ý cho các vùng nghèo, hộ nghèo, các nhóm yếu thế,... Chính vì vậy, Văn kiện Đại hội IX nhấn mạnh: “Nhà nước đầu tư vốn phát triển từ ngân sách nhà nước căn cứ vào hiệu quả kinh tế - xã hội”<sup>9</sup>.

Việc lấy *hiệu quả kinh tế - xã hội* làm tiêu chí để phân phối tư liệu sản xuất đã buộc mọi chủ thể kinh tế phải nâng cao hiệu quả sử dụng lượng tư liệu sản xuất (vốn, vật tư, tài sản,...) được phân phối để vừa góp phần vào sự phát triển của toàn xã hội, vừa được hưởng thành quả của sự phát triển ấy một cách tương xứng với đóng góp của mình trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Chính tiêu chí đó đã ngày càng thúc đẩy mọi nguồn lực vật chất và con người được phát huy để thúc đẩy cho sự tăng trưởng của nền kinh tế trong nhiều năm qua. Ngoài ra, chính việc sử dụng có hiệu quả nguồn tư liệu sản xuất đã khắc phục được hậu quả của sự bất cân đối trong cơ cấu nền kinh tế do chế độ phân phối tư liệu sản xuất mang tính mệnh lệnh trước đây, làm cho cơ cấu của nền kinh tế ngày càng trở nên thích ứng với tình hình phát triển ở mỗi giai đoạn khác nhau. Nhờ tính hiệu quả của sản xuất được nâng cao nên quy mô của nền kinh tế không ngừng được mở rộng, cơ cấu của nền kinh tế ngày càng hợp lý, nghĩa vụ ngân sách đóng góp cho Nhà nước ngày càng nhiều, đời sống người lao động không ngừng được nâng cao.

Để việc phân phối tư liệu sản xuất được thực hiện một cách hợp lý căn cứ vào hiệu quả sử dụng chúng, Đảng và Nhà nước ta đã và đang tạo mọi điều kiện thuận lợi để tất cả các chủ thể đều có *quyền ngang nhau* cùng được tiếp cận với nguồn vốn, tư liệu sản xuất và những điều kiện sản xuất kinh doanh nói chung dưới nhiều hình thức khác nhau phù hợp với khả năng phát triển sản xuất kinh doanh của mỗi chủ thể kinh tế (như quyền vay vốn, quyền chuyển nhượng, quyền thế chấp, quyền sử dụng, quyền được bảo hộ sản xuất...).

Để đảm bảo thực hiện được quyền ngang nhau ấy, các Đại hội VIII và IX đặc biệt nhấn mạnh đến yêu cầu phải thúc đẩy việc hình thành, phát triển và từng bước hoàn thiện các loại thị trường, đặc biệt quan tâm đến các thị trường quan trọng nhưng hiện mới chỉ sơ khai, thậm chí còn chưa có như: thị trường bất động sản, thị trường vốn, thị trường khoa học và công nghệ hay là thị trường các yếu tố sản xuất nói chung.<sup>10</sup> Đây cũng chính là điều kiện để thực hiện phân phối tư liệu sản xuất ngày càng hợp lý và công bằng.

<sup>9</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.103.

<sup>10</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.100.